

Số: 1572/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 21 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 110; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số: 1557/2020/HNST ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa:

Người yêu cầu : Anh Đinh Kim Q, sinh năm 1971

Chị Trần Thị Thúy D, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 496 đường D, phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

1. Về quan hệ hôn nhân : Chị Trần Thị Thúy D và anh Đinh Kim Q thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh A cấp cho chị D và anh Q vào ngày 20/8/2002 không còn hiệu lực)

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Đinh Thị Giang T, sinh ngày 09/12/1998; Đinh Thị Phương T sinh ngày 02/7/2002 và Đinh Thị Thiên T sinh ngày 10/12/2003. Đối với 02 trẻ Đinh Thị Giang T, sinh ngày 09/12/1998; Đinh Thị Phương T sinh ngày 02/7/2002 đều trên 18 tuổi và không bị dị tật bẩm sinh nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ tên Đinh Thị Thiên T, chị D trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị D và anh Q phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai đã nộp số AA/2019/0027569 ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Do đó chị D và anh Q đã nộp đủ lệ phí hôn nhân.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy D và anh Đinh Kim Q thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số I/2002 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh A cấp cho chị D và anh Q vào ngày 20/8/2002 không còn hiệu lực)

- Về con chung: Có 03 con chung tên Đinh Thị Giang T, sinh ngày 09/12/1998; Đinh Thị Phương T sinh ngày 02/7/2002 và Đinh Thị Thiên T sinh ngày 10/12/2003. Đối với 02 trẻ Đinh Thị Giang T, sinh ngày 09/12/1998; Đinh Thị Phương T sinh ngày 02/7/2002 đều trên 18 tuổi và không bị dị tật bẩm sinh nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ tên Đinh Thị Thiên T, chị D trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của anh Q.

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị D và anh Q phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai đã nộp số AA/2019/0027569 ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Do đó chị D và anh Q đã nộp đủ lệ phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- UBND xã L, H. C, tỉnh A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)